

Tài liệu An toàn (MSDS)

Issued Date : 27 July 2021

Revised Date

Phần 1 SẢN PHẨM VÀ NHẬN DIỆN CÔNG TY

Product Name : TAT INDELIBLE INK (Nhanh khô) Đa sử dụng Colour:(Trắng)
 STSGA Trắng
 STSGA-1-K (Chai nhỏ), STSGA-3-K (Chai lớn)
Tên công ty : Shachihata Inc.
Địa chỉ : 4-69, Amazuka-cho, Nishi-ku, Nagoya City, 451-0021, Japan
Số điện thoại : + 81- 52- 521- 3600
Fax : + 81- 52- 521- 3899
Liên hệ (e-mail) : chem-analysis@ngy.shachihata.co.jp
Số điện thoại khẩn : + 81- 52- 521- 3600 (Shachihata Inc. [Japan])
Mục đích sử dụng : Mục đích sử dụng

Phần 2 NHẬN DIỆN NGUY CƠ

GHS phân loại

Nguy hiểm lý tính

Chất lỏng dễ cháy

Phân nhóm 3

Nguy hiểm sinh học

Nguy hiểm đối với cơ quan cụ thể; một lần tiếp xúc Phân nhóm 3 (kích thích đường hô hấp, gây tình trạng tê liệt)

Chất lỏng dễ cháy

Không thể phân loại

Nguy hiểm môi trường

Nguy hiểm đối với môi trường nước (cấp độ cấp tính) không thể phân loại

Nguy hiểm đối với môi trường nước (cấp độ mạn tính) không thể phân loại

Nguy hiểm tầng Ozon

Không thể phân loại

CÁC BIỂU CẢNH BÁO

Biểu tượng



Ý nghĩa

: cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

: Chất lỏng và hơi khí dễ cháy. Có thể gây kích ứng hô hấp. Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

(H226)

(H335)

(H336)

Biện pháp phòng ngừa

[Phòng ngừa]

Đề xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa mở và các nguồn cháy. Cấm hút thuốc.

(P210)

Hãy thực hiện các biện pháp để ngăn chặn sự xảy ra của các xung tĩnh điện.

(P243)

Đeo bảo hộ mắt.

(P280)

Hãy tránh hít phải hơi.

(P261)

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông thoáng.

(P271)

Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc.

(P264)

[Phản ứng]

Trong trường hợp cháy: Sử dụng bột hóa chất khô, bột xốp hoặc khí carbon để dập tắt.

(P370+P378)

Nếu hít phải: Di chuyển người ra ngoài không khí trong lành và đảm bảo họ thoải mái để hít thở.

(P304+P340)

Gọi Trung tâm trợ giúp ngộ độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

(P312)

Nếu trên da hoặc tóc: Hãy tháo ngay tất cả quần áo bị nhiễm chất độc. Rửa da bằng nước.

(P303+P361+P353)

Nếu có biểu hiện kích ứng da: Hãy tham khảo ý kiến và được chăm sóc y tế.

(P332+P313)

Nếu nuốt phải: Tìm kiếm lời khuyên y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe. Rửa miệng.

(P301+P314+P330)

[Lưu trữ]

Lưu trữ ở nơi thông thoáng. Giữ sản phẩm đóng kín.

(P403+P233)

[Tiêu hủy]

Tiêu hủy nội dung và bao bì theo quy định địa phương.

(P501)

Phần 3 **THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC HÓA CHẤT**

Đơn chất / Hợp chất : Hợp chất

Thành phần :

Tên hóa học / Tên gốc	Thành phần Trọng lượng %	CAS Số đăng ký.	Nhóm nguy hiểm (phân loại)	Nguy hiểm
1-Methoxypropan-2-ol	45 ~ 55	107-98-2	Flam. Liq. 3 STOT. SE. 3	H22 6 H33 6
Glycol ether class solvent	1 ~ 10	Bí mật	Flam. Liq. 4	H227
(2-Methoxymethylethoxy)propanol	20 ~ 30	34590-94-8	Flam. Liq. 4 STOT. SE. 3	H22 7 H33 5
Synthetic resin	10 ~ 20	Bí mật	none	none
Carbon black	1 ~ 10	1333-86-4	none	none
total	100			

PHẦN 4 **BIỆN PHÁP SƠ CỨU**

- Hít phải** : Di chuyển nạn nhân ra không khí tươi và đặt nghỉ ở một vị trí thoải mái để hít thở.
Tìm kiếm ý kiến bác sĩ nếu các triệu chứng vẫn tiếp tục.
- Tiếp xúc da** : Lấy ngay và cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm. Rửa sạch bằng xà phòng và nước.
Nếu có kích ứng/đỏ da hoặc cảm thấy khó chịu, tìm kiếm ý kiến bác sĩ để được tư vấn y tế.
- Vây vào mắt** : Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp tục, tìm kiếm ý kiến/tư vấn y tế.
- Nước phải** : Súc miệng ngay lập tức, cho khoảng 250 ml nước hoặc sữa và uống trong dạ dày, không nôn mửa ép buộc. Hơn nữa, không cho bất cứ thứ gì từ miệng vào cho bệnh nhân khi không tỉnh táo. Nhận sự điều trị của bác sĩ (bơm dạ dày) kịp

PHẦN 5 **BIỆN PHÁP CHỐNG CHÁY**

thờipromptly.

PHƯƠNG TIỆN DẬP CHÁY PHÙ HỢP : Bột hóa chất khô, bột xốp hoặc khí carbon dioxide

PHƯƠNG TIỆN DẬP CHÁY KHÔNG PHÙ HỢP : Phun nước

PHƯƠNG PHÁP DẬP CHÁY CỤ THỂ

Cho giai đoạn đầu, sử dụng khí CO2 hoặc bột hóa chất khô.

Khi đám cháy lan rộng, dùng nước phun đều để dập cháy. Không xả các nước dập cháy ra môi trường nước.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ ĐẶC BIỆT CHO LỰC LƯỢNG CỨU HÒA

Trong công tác dập cháy, lực lượng chống cháy phải mang các trang bị bảo hộ thích hợp (găng tay, kính bảo hộ và mặt nạ). Vì trong quá trình cháy, các chất khí nguy hiểm có thể được tạo ra, nên lực lượng chống cháy phải mang bộ đồ bảo hộ hô hấp tự động và các thiết bị bảo hộ khác.

PHẦN 6 BIỆN PHÁP SỬ LÝ TAI NẠN

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN, THIẾT BỊ BẢO HỘ VÀ QUY TRÌNH KHẨN CẤP

Sơ tán nhân viên đến khu vực an toàn. Tắt tất cả các nguồn gây cháy.

Không được sử dụng lửa hoặc hút thuốc trong khu vực này. Đội đồ bảo hộ cá nhân. Đảm bảo có đủ thông thoáng.

NHỮNG PHÒNG NGỪA THUỘC VỀ MÔI TRƯỜNG

Không ném vật rò rỉ trực tiếp vào môi trường.

PHƯƠNG PHÁP VÀ VẬT LIỆU ĐỂ CHỨA VÀ LÀM SẠCH

Đối với trường hợp tràn nhỏ, hãy loại bỏ bằng cách hấp thụ bằng các chất hấp thụ (bã hấp như bụi cám, đất, cát, vải thải, vv.),

Sau đó, lau sạch chất thải bằng vải vụn và giẻ lau. Trong trường hợp xảy ra vụ tràn lớn, hãy ngăn chặn rò rỉ bằng cách bao quanh với các vật liệu không cháy (đất và cát, v.v.) và thu gom vào bình rỗng bằng cái xẻng, thiết bị hút hoặc tương tự.

BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TAI NẠN THỨ CẤP

Cần nhanh chóng loại bỏ tất cả các nguồn lửa. (Cắm hút thuốc gần đó, cấm các nguồn lửa hoặc lửa.)

PHẦN 7 XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Xử lý : Sử dụng với hệ thống thông gió đảm bảo.
Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Trước khi sử dụng, hãy nhận được hướng dẫn đặc biệt.
Không tiếp xúc cho đến khi đã đọc và hiểu được tất cả các biện pháp an toàn. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Lưu trữ : Giữ nắp đậy kín và lưu trữ ở nơi mát mẻ và khô ráo.
Tránh xa nhiệt và lửa, nguồn gây cháy và ánh sáng mặt trời. Tránh xa tầm tay trẻ em.

PHẦN 8 QUẢN LÝ PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

ACGIH (2020)

1-Methoxypropan-2-ol	TWA	50 ppm
(2-Methoxymethylethoxy)propanol	TWA	100 ppm
Carbon black	TWA	3 mg/m ³

OSHA PEL

(2-Methoxymethylethoxy)propanol	TWA	100 ppm
Carbon black	TWA	3.5 mg/m ³

D RECTIVE 2000/39/EC

1-Methoxypropan-2-ol	TWA	100 ppm
(2-Methoxymethylethoxy)propanol	TWA	50 ppm

Hiệp hội sức khỏe nghề nghiệp Nhật Bản (2020)

Carbon black	Dusts Class 2	OEL (total dust)	4 mg/m ³
--------------	---------------	------------------	---------------------

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp : Sử dụng cùng với hệ thống thông gió địa phương khi sử dụng lâu dài.
Tránh hít phải hơi. Đeo khẩu trang để ngăn chặn khí hữu cơ, nếu cần thiết.

Bảo vệ tay : Tránh tiếp xúc với tay. Đeo găng tay an toàn, nếu cần thiết.

Bảo vệ mắt : Tránh tiếp xúc với mắt. Đeo kính bảo hộ, nếu cần thiết.

Bảo vệ da : Tránh tiếp xúc với da. Đeo áo bảo hộ cá nhân, giày, nếu cần thiết.

PHẦN 9 TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Hình thái	: chất lỏng màu đen
Mùi	: Mùi hơi dung môi nhẹ
pH	: Không áp dụng
Nhiệt độ sôi	: 117 ~ 189 °C
Flash point	: 38 °C (closed cup)
Tỉ trọng tương đối (25°C)	: 0.95 ~ 1.05 g/cm ³
Độ hòa tan trong nước	: không tan

PHẦN 10 TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÁC ĐỘNG HÓA HỌC

Tính ổn định	: Ổn định trong quá trình xử lý bình thường.
Điều kiện cần tránh	: Nhiệt độ cao, ánh nắng trực tiếp, lửa
Vật liệu không tương thích	: Chất oxy hóa mạnh
Sản phẩm phân hủy nguy hại	: CO, CO ₂

PHẦN 11 THÔNG TIN ĐỘC HỌC

Độc tính cấp	: LD/LC50 values that are relevant for classification [1-Methoxypropan-2-ol]		
	Oral-rat	LD50	>2,000 - <=5,000 mg/kg
	Dermal-rabbit	LD50	>5,000 mg/kg
	Inhalation-rat	LC50	>20 mg/L/4h
	[Glycol ether class solvent]		
	Oral-rat	LD50	>2,000 mg/kg [(2-Methoxymethylethoxy)propanol]
	Oral-rat	LD50	>5,000 mg/kg
	Dermal-rabbit	LD50	>5,000 mg/kg

Độc tính lên cơ quan cụ thể (phơi nhiễm 1 lần) : phân nhóm 3 Có thể gây kích ứng đường hô hấp
Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

Tính gây ung thư : Tính gây ung thư: Dioxit titan đã được phân loại bởi IARC là Nhóm 2B.
Các vật liệu khác: Không chứa bất kỳ thành phần nào được coi là gây ung thư đối với con người bởi IARC, ACGIH, EPA, EU hoặc NTP.

Về tính gây ung thư của Dioxit titan, Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) đã phân loại nó vào nhóm 2B. Tuy nhiên, các cơ quan như ACGIH (Hội nghị Liên bang về An toàn lao động Công nghiệp), EPA (Cơ quan Bảo vệ Môi trường), EU (Cơ quan Hóa chất châu Âu) và NTP (Chương trình Sinh lý học Độc tố Quốc gia, Hoa Kỳ) chưa phân loại nó là chất gây ung thư nghi ngờ đối với con người. Do đó, với sản phẩm mục này, chúng tôi không thể phân loại tính gây ung thư theo hệ thống GHS vì không có đủ dữ liệu đáng tin cậy.

NHÓM 12 THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG

Nguy hiểm đối với môi trường nước (cấp tính)	: không thể phân loại
Nguy hiểm đối với môi trường nước (mãn tính)	: không thể phân loại
Nguy hiểm đối với tầng ozone	: không thể phân loại

PHẦN 13 XEM XÉT VIỆC XỬ LÝ

Việc xử lý phải tuân theo quy định chính thức.
Tuân thủ tất cả các quy định của Liên bang, Tiểu bang và địa phương liên quan đến việc xử lý.
Không để cho sản phẩm tiếp xúc với mặt đất, bất kỳ con sông hoặc hệ thống thoát nước nào.

PHẦN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Số UN (DOT, ADR, IMDG, IATA) : UN1993
Tên vận chuyển theo UN (DOT, ADR, IMDG, IATA) : FLAMMABLE LIQUID, N.O.S.
 (1-Methoxypropan-2-ol)
Phân loại theo UN : 3
Nhóm đóng gói (DOT, ADR, IMDG, IATA) : III
Gây ô nhiễm biển (Y/N) : N
Số EmS : F-E, S-E

**PHẦN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

< Thông tin EU >

Quy định (EC) No 1272/2008 (CLP)

Tên chất : [1-Methoxypropan-2-ol]
Loại & danh mục nguy hiểm : Chất lỏng dễ cháy, Loại 3
 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn lẻ, Loại 3
Ký hiệu : GHS02, GHS07
Tín hiệu : cảnh báo
Ý nghĩa : H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy
 H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

< thông tin theo USA >

OSHA STATUS : Sản phẩm này có nguy hiểm theo quy định 29 CFR 1910.1200.

TSCA STATUS : Tất cả các thành phần có trong TSCA INVENTORY.

TSCA Chương trình thông báo nguy hiểm (40 CFR Part 721) (SNUR) : không áp dụng

Lượng Báo cáo theo Đạo luật CERCLA (40 CFR 117,302) : không áp dụng

SARA TITLE III Section 313 (40 CFR 372) : không áp dụng

California Proposition 65 : Carbon black

(chất độc hại trong không khí, hạt nhỏ không kết tụ có thể hít vào phổi)

Tham khảo các quy định liên quan của liên bang, bang, Liên minh châu Âu (EU), quốc gia và địa phương.

PHẦN 16 THÔNG TIN KHÁC

EU RoHS (Directive 2011/65/EU)

EU ELV (DIRECTIVE 2000/53/EC)

Tuy tài liệu này cung cấp thông tin, nhưng có thể không đủ để đánh giá nguy hiểm hoặc rủi ro. Thông tin trên được tạo ra dựa trên các tài liệu, thông tin và dữ liệu hiện có và có thể được sửa đổi khi có thông tin mới được công bố. Tài liệu này đã được viết dựa trên giả định khi xử lý một lượng lớn mực in trên trường hợp kinh doanh và trong tình huống khẩn cấp. Khi xử lý như một sản phẩm bình thường, vui lòng tham khảo các lưu ý được mô tả trên sản phẩm hoặc bao bì. Thông tin được chứa trong đây không nhằm cung cấp bất kỳ loại bảo hành nào ngoài thông tin, không có bảo đảm về độ chính xác của nội dung.